TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09-02-2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Tô Ngọc Liêm;

bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 446/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Dương Dục K, sinh ngày 04/8/1994; nơi cư trú: ấp 3, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* ông Dư Thanh H, sinh ngày 13/11/1989; nơi cư trú: ấp B, xã H, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/8/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Dục K trình bày,

Bà K và ông Dư Thanh H chung sống với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang chứng nhận kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày đăng ký 11/02/2019. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung: Dư Thị Ngọc L, sinh ngày 17/10/2018 đang sống chung với ông H.

Khoảng năm 2021, vợ chồng bắt đồng quan điểm sống, không còn hòa hợp nhau về tình cảm dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, sống ly thân từ thời điểm này đến nay. Vì vậy, bà K yêu cầu ly hôn với ông H, chấp nhận giao con cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Vợ chồng sống ly thân, tình trạng hôn nhân không thể hàn gắn được. Vì vậy, bà K yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Bên cạnh đó, cháu Dư Thị Ngọc L đang sống chung với ông H, để ổn định cuộc sống của cháu L, cần chấp nhận giao con cho ông H trực tiếp nuôi con theo tự nguyện của bà K. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K; đồng thời, chấp nhận giao con cho ông H trực tiếp nuôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà K có đơn khởi kiện về yêu cầu ly hôn. Theo biên bản xác minh thì ông H có địa chỉ cư trú tại xã H, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang; Tại phiên tòa, bà K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định Điều 28, 35, 39, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà K và ông H xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân cấp chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được nhà nước tôn trọng và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, theo lời khai của bà K và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thì thấy, tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kh xác định: *"...từ thời điểm dịch Covid-19, K và H không còn sống chung với nhau, K bỏ lại đứa con cho H nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay"*. Mặt khác, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà K, ông H nhằm tạo điều kiện, tổ chức hòa giải tình cảm vợ chồng nhưng bà K có đơn xét xử vắng mặt, còn ông H vắng mặt, không có ý kiến.

[3] Như vậy, bà K và ông H đã bỏ mặc nhau trong thời gian dài, không còn tình nghĩa với nhau được xem như hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Bà K yêu cầu ly hôn ông H là có căn cứ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà K về yêu cầu ly hôn.

[4] Bà K khai nhận vợ chồng có 01 con chung gần 08 tuổi và bà K chấp nhận giao con cho ông H trực tiếp nuôi con. Đồng thời, theo biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Kh xác định: *"...cháu Dư Thị Ngọc L đang được ông H trực tiếp nuôi dưỡng, hiện tại ông H đi làm, còn cháu L đang đi học và cháu*

sống ổn định tại nhà vợ chồng bà Kh". Bên cạnh đó, Tòa án không thể xem xét được nguyện vọng của con do đang đi học và bà K, ông H vắng mặt xuyên suốt trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ việc.

[5] Như vậy, bà K chấp nhận giao con cho ông H trực tiếp nuôi con là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con sau khi vợ chồng ly hôn. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của bà K, giao con Dư Thị Ngọc L cho ông H trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, ông H phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà K thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

[6] Ông H không có yêu cầu cấp dưỡng cho con. Đồng thời, bà K, ông H không có yêu cầu giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trường hợp, ông H có yêu cầu cấp dưỡng cho con, bà K và ông H có yêu cầu giải quyết về tài sản thì có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí sơ thẩm: Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K nên phải chịu án phí ly hôn không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận khởi kiện của bà Dương Dục K về yêu cầu ly hôn, bà Dương Dục K được ly hôn với ông Dư Thanh H.

2. Giao con Dư Thị Ngọc L, sinh ngày 17/10/2018 cho ông Dư Thanh H trực tiếp nuôi con; Bà K không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí sơ thẩm: bà K phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0004136 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Bà K và ông H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng thi hành án dân sự;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân